TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **339**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2022
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Đạt**

2. Ông **Phạm Thành Công**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Phúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 259/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị **Bùi Thị Thanh T1**, sinh năm xxxx. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu phố L, phường H, thị trấn T, tỉnh Tây Ninh.
2. **Bị đơn**: Anh **Nguyễn Công H**, sinh năm xxxx. (*vắng mặt không lý do)*
Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 16/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T1 trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Chị T1 và anh H quen biết và có thời gian tìm hiểu nhau hơn 6 tháng và tổ chức đám cưới vào năm 2015. Anh chị đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi cưới, vợ chồng anh chị làm công nhân và sinh sống tại thị trấn T, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2017, anh H về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của anh tại ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, chị và con về bên gia đình chồng sinh sống. Năm 2019, vợ chồng chị T1 tiếp tục về Tây Ninh sinh sống và đến năm 2020 thì giữa hai anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không còn tiếng nói

chung, bất đồng về vấn đề tiền bạc, thường xuyên xảy ra cự cãi nên anh H đã bỏ về quê của anh sinh sống tại ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang, Từ thời gian đó đến nay, vợ chồng chị sống ly thân và cả hai đều không hàn gắn tình cảm. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo T2, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Công H vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Thanh T1, chị T1 được ly hôn với anh Nguyễn Công H. Về nuôi con chung: Giao con chung tên T2, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T1, nhận thấy:

Vợ chồng chị kết hôn năm 2018, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 15/10/2018 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2020, với tình tiết và nguyên nhân như chị T1 trình bày, vợ chồng chị cũng đã ly thân, bỏ mặc nhau, không quan tâm nhau từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến nay, anh H không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T1; điều

này cho thấy anh không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này và mặc nhiên thừa nhận những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống như chị T1 trình bày trên. Từ những tình tiết nêu trên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã thật sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T1, cho chị được ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh chị chung sống có 01 người con chung tên T2, sinh ngày xx/xx/xxxx. Xét việc chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con là có cơ sở chấp nhận, vì hiện cháu sống cùng chị đến nay đã ổn định cuộc sống về mọi mặt; phía anh H cũng không có ý kiến phản đối; điều này cũng phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T2 cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T1 không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T1 yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Thanh T1, cho chị T1 được ly hôn với anh Nguyễn Công H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên T2, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị T1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007890 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.